TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương;
2. Ông Phạm Hoàng Vũ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Ngọc R, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn M, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và bà Bùi Ngọc R trình bày: Về hôn nhân: Năm 2010 bà R và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, mâu thuẫn càng nhiều, đã ly thân nhiều năm nên xét thấy không thể hàn gắn nên bà R xin ly hôn; Về con chung: không có; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ: không có.

Tại các lời khai, bị đơn ông Dương Văn M trình bày: Ông và bà R kết hôn năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng, nay bà R xin ly hôn, ông thống nhất; Về con chung: Đã trưởng thành; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ: không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R; Về con chung: không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] [Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Dương Văn M có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà R và ông M tự nguyện kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Về nguyên nhân xin ly hôn theo bà R trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm, hiện đã sống ly thân. Ông M cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, ông bà hiện nay đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí xin ly hôn*:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011566 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án khu vực 6 – An Giang).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Ngọc R. Bà Bùi Ngọc R được ly hôn với ông Dương Văn M.

2- Về con chung: không có.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011566 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (nay là Phòng Thi hành án khu vực 6 – An Giang).

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 6-AG;
- Phòng THADS khu vực 6-AG;
- THA DS tỉnh AG;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm